

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**[Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 3]**  
**Mã học phần: JAG33033- Số tín chỉ: 03**

Dùng cho ngành: **NGÔN NGỮ ANH**

Chuyên ngành: Anh-Nhật

Điều kiện tiên quyết: **Ngữ pháp TN Nâng cao 2**

Hình thức đào tạo: **Trực tiếp/Trực tuyến**

Đơn vị phụ trách: **Khoa Ngoại Ngữ**

**1. Mô tả chung về học phần**

Học phần ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 3 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ N3. Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững các cấu trúc câu nâng cao trình độ N3; Có khả năng nghe, nói những câu giao tiếp hội thoại thường ngày và trong môi trường làm việc công ty; Có khả năng đọc hiểu các bài đọc tương đương với mức độ N3; Có khả năng sử dụng các cấu trúc câu nâng cao trình bày viết theo chủ đề tương đương N3; Tăng cường vốn từ vựng và có khả năng sử dụng trong thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp N3. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật

**2. Các chữ viết tắt: Không**

**3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a1	Vận dụng các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ trung cấp N3 vào làm các dạng bài tập ngữ pháp.
a2	Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu nâng cao vào giao tiếp đời sống thông thường và tại nơi làm việc
b1	Vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết bài luận, đọc hiểu bài khóa, dạng bài trường văn trình độ N3
c2	Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

**4. Giáo trình và tài liệu học tập**

**4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:**

+ 3A Corporation, Japan “**みんなの日本語 中級II-本冊**”, 2016

+ 3A Corporation, Japan “**みんなの日本語 中級II-標準問題集**”, 2016.

**4.2. Tài liệu tham khảo:**

+ Japan Foundation, まるごと- 日本の言葉と文化 **中級 B1**、2016

+ Tập đề thi N3 các năm từ 2010 đến 2020 do GV sưu tầm.

**5. Chiến lược học tập**

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần phải tham gia đầy đủ các tiết học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định
- Có đầy đủ tài liệu học tập
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về môn học, nâng cao vốn từ, trau dồi kỹ năng tự học, chăm chỉ, chủ động luyện tập để củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức.

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
<b>Bài 13</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む-書く): ゲッキョク株式会社	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học., đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	6	- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp - Làm bài tập về nhà - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	18	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 14</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む-書く): 海外で日本のテレビアニメが受けるわけ	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	6	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	18	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 15</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む-書く): 動かす、動きアリ	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	6	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	18	a1, a2, b1, c2
Đánh giá 1: 15% Kiểm tra trắc nghiệm- tự luận	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	- Tự ôn tập từ bài 8 đến bài 16	6	a1, a2, b1, c2

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 13- bài 15					
<b>Bài 16</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む書く): 故人静流 流出	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	7	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	21	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 17</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む書く): こよみ 暦	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	7	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	21	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 18</b> 1. Từ vựng 2. Ngữ pháp - Luyện tập 3. Bài tập Ngữ pháp (問題(本冊) – 標準問題集) 4. Đọc - Viết (読む書く): えんぴつ 削り (あるいは 幸運としての渡辺昇)	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn (trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận). - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập, đọc hiểu và viết đoạn văn liên quan đến chủ đề bài học.	7	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	21	a1, a2, b1, c2
Đánh giá 2: 15% Kiểm tra trắc nghiệm- tự luận Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 16 - bài 18	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	- Tự ôn tập từ bài 4 đến bài 6	6	a1, a2, b1, c2
<b>Ôn tập</b>		2		6	a1, a2, b1
<b>Tổng số tiết/giờ học</b>		<b>45</b>		<b>135</b>	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a1	a2	b1	c2
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm +Tự luận	25%	x	x	x	x
	ĐG2. Tự luận + Vấn đáp	25%	x	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	x	x	x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

## 8. Hoạt động đánh giá

### 8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c2 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá [bài đánh giá 1 tập trung kiểm tra khả năng ghi nhớ chữ cái, từ vựng, khả năng vận dụng cấu trúc câu đã học từ đầu - bài 3 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận]:

### 8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c2. Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: tự luận và vấn đáp

Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 2 kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.

### 8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

#### Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mục đích:
  - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để hoàn thành các dạng bài điền hội thoại, sắp xếp câu, dịch câu từ tiếng Việt sang tiếng Nhật
  - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, năng lực tự học

Bài thi gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận bao gồm các nội dung: từ vựng +ngữ pháp, đọc, viết:

- Từ vựng: 20 câu trắc nghiệm (0.1 điểm một câu, tổng 2 điểm)
- Ngữ pháp: 10 câu trắc nghiệm (tổng 1 điểm), 10 câu chọn từ điền ô trống (tổng 1 điểm), 10 câu chia thể ngữ pháp đúng (tổng 2 điểm), 10 câu sắp xếp trật tự từ (tổng 1.5 điểm).
- Đọc: Đọc 1 bài trường văn và trả lời 4 câu hỏi (tổng 1 điểm)
- Viết: 5 câu dịch Nhật - Việt (0.5 điểm), viết đoạn văn gồm 10 câu theo 1 trong những chủ đề liên quan đến bài học (1 điểm).
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;c2.

- **Ma trận đánh giá:**

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Vận dụng các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ trung cấp N3 làm các dạng bài tập ngữ pháp khác nhau.	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng ở mức hạn chế	Vận dụng rất hạn chế
a2: Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu nâng cao vào giao tiếp đời sống thông thường và tại nơi làm việc	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng ở mức hạn chế	Vận dụng rất hạn chế
b1: Vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết bài luận, đọc hiểu bài khóa, dạng bài trường văn trình độ N3	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận dụng ở mức hạn chế	Vận dụng rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
c2: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

#### 8.4 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$\sum = \frac{\text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%}{100}$$

100

#### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):  
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:  
+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa  
+ projector  
+ Loa, Đài cassette  
+ Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:  
+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.  
+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.  
+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

#### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

#### 11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày .... tháng ... năm 202...  
**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên**

**ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp**